

**UBND PHƯỜNG GIẢNG VÕ
TRƯỜNG THCS GIẢNG VÕ 2**





HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027

KHỐI 6

Họ và tên học sinh:

Lớp:.....

Hà Nội, tháng 10 năm 2026

I. MỤC LỤC

TT	Môn	Trang
1	Toán	1
2	Ngữ văn	9
3	Tiếng Anh	10
4	Khoa học tự nhiên	15
5	Lịch sử - Địa lý	19
6	Giáo dục công dân	21
7	Công nghệ	22
8	Tin học	26
9	Hoạt động trải nghiệm-hướng nghiệp	33
10	Giáo dục địa phương	34
11	Nghệ thuật	35
12	Giáo dục thể chất	36

II. LỊCH KIỂM TRA

1. Kiểm tra tại lớp, theo đề của trường

Môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, KHTN, Lịch sử và Địa lý.

TT	Ngày	Thời gian	Môn	Ghi chú
1	Ngày 27/10 (thứ Ba)	07h30-09h00	Ngữ văn (90 phút)	
		09h45-10h45	Tiếng Anh (60 phút)	
2	Ngày 28/10 (thứ Tư)	07h30-09h00	Toán (90 phút)	
		09h45-10h45	KHTN (60 phút)	
3	Ngày 29/10 (thứ Năm)	07h30-08h30	Lịch sử và Địa lý (60 phút)	

2. Kiểm tra tại lớp, không chung đề

- Môn: Công nghệ, Nghệ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm; Giáo dục công dân và Tin học.
- Lịch kiểm tra: Theo TKB, hoàn thành trước ngày 05/11/2026.



A. PHẠM VI KIẾN THỨC

I. Số học

- Tập hợp.
- Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa. Thứ tự thực hiện các phép tính.
- Quan hệ chia hết và tính chất.
- Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 9, cho 3.
- Số nguyên tố, hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

II. Hình học

- Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều.
- Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.
- Chu vi và diện tích các tứ giác đã học.

B. MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng (A, B, C, D) cho mỗi câu sau:

Câu 1. Phép tính $2^2 + 3^2$ có kết quả bằng

- A. 24. B. 25. C. 13. D. 14.

Câu 2. Số tự nhiên x thỏa mãn $12x - 33 = 3^2 \cdot 3^3 : 3^4$ là

- A. 3. B. 36. C. 13. D. 12.

Câu 3. Giá trị của biểu thức $20 - [30 - (5 - 1)^2]$ bằng

- A. 6. B. 7. C. 8. D. 9.

Câu 4. Mỗi hộp bánh gồm 5 gói bánh với khối lượng mỗi gói bánh là 200 g. Nếu một thùng bánh chứa 20 hộp bánh như thế thì khối lượng của thùng bánh là bao nhiêu ki-lô-gam? (Bỏ qua khối lượng của vỏ hộp và vỏ thùng).

- A. 20. B. 2. C. 4. D. 40.

Câu 5. Một quyển vở loại A có giá 18 000 đồng. Với 300 000 đồng, bạn Mai có thể mua được nhiều nhất bao nhiêu quyển vở loại này?

- A. 15. B. 16. C. 17. D. 18.

Câu 6. Vận tốc của ánh sáng trong không khí được các nhà khoa học ghi nhận là khoảng $3 \cdot 10^8$ m/s. Một máy bay không người lái có thể di chuyển với vận tốc tối đa là 10^3 m/s. Hỏi vận tốc của ánh sáng trong không khí gấp bao nhiêu lần vận tốc tối đa của máy bay không người lái đó?

- A. 3 000. B. 30 000. C. 300 000. D. 3 000 000.

Câu 7. Tập hợp các ước của 36 là

A. $\{0; 2; 4; 6; 12; 18; 36\}$.

B. $\{1; 2; 3; 4; 6; 9; 12; 18; 36\}$.

C. $\{0; 1; 2; 3; 4; 6; 9; 12; 18; 36\}$.

D. $\{1; 2; 3; 4; 6; 9; 12; 36\}$.

Câu 8. Tập hợp nào sau đây có các phần tử đều là bội của 9 ?

A. $\{1; 3; 9\}$.

B. $\{0; 27; 126; 819\}$.

C. $\{0; 9; 123; 241\}$.

D. $\{1; 3; 6; 9; 12\}$.

Câu 9. Tập hợp các chữ số x sao cho $\overline{5x24}$ chia hết cho 3 là

A. $\{1; 4; 5\}$.

B. $\{1; 4; 7\}$.

C. $\{1; 5; 8\}$.

D. $\{1; 5; 9\}$.

Câu 10. Khẳng định nào sau đây **đúng** ?

A. $120 - 4 + 48$ chia hết cho 12.

B. $135 + 5^3 - 30$ chia hết cho 5.

C. $293 + 42$ chia hết cho 3.

D. $8 \cdot 45 + 18$ chia hết cho 4.

Câu 11. Có bao nhiêu giá trị của số tự nhiên n thỏa mãn $n + 6$ chia hết cho n ?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 12. Đội văn nghệ có 24 bạn được chia đều thành các nhóm để tập luyện. Biết rằng mỗi nhóm có từ 3 đến 12 bạn. Hỏi có bao nhiêu cách chọn số lượng nhóm?

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

Câu 13. Tập hợp nào sau đây chỉ bao gồm các phần tử là số nguyên tố?

A. $\{0; 1\}$.

B. $\{1; 3; 5\}$.

C. $\{5; 7; 9\}$.

D. $\{2; 5; 7\}$.

Câu 14. Phân tích số 60 ra thừa số nguyên tố được kết quả là

A. $2^2 \cdot 3 \cdot 5$.

B. $3 \cdot 4 \cdot 5$.

C. $2 \cdot 3^2 \cdot 5$.

D. $2 \cdot 30$.

Câu 15. Phân tích số $A = 4^3 \cdot 9^4$ ra thừa số nguyên tố được kết quả là

A. $2^5 \cdot 3^8$.

B. $2^6 \cdot 3^6$.

C. $2^6 \cdot 3^8$.

D. $2^6 \cdot 3^{12}$.

Câu 16. Hình lục giác đều có trong hình ảnh nào dưới đây?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 17. Cho các khẳng định sau:

(I) Hình chữ nhật, hình thang cân, hình vuông có hai đường chéo bằng nhau.

(II) Hình thoi, hình vuông có bốn cạnh bằng nhau.

(III) Hình thoi, hình chữ nhật có bốn góc bằng nhau.

(IV) Hình bình hành, hình thoi, hình chữ nhật, hình vuông có các cạnh đối song song.

Số khẳng định đúng trong các khẳng định trên là

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 18. Cho hình bình hành $ABCD$, hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại điểm O . Biết rằng $AC = 6\text{ cm}$ và $BD = 8\text{ cm}$. Khi đó $OA + OB$ bằng

- A. 14 cm . B. 7 cm . C. 8 cm . D. 10 cm .

Câu 19. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Hình thang cân có các cạnh bằng nhau.
 B. Hình thang cân có các cạnh đối song song.
 C. Hình thang cân có hai đường chéo bằng nhau.
 D. Hình thang cân có các góc đối bằng nhau.

Câu 20. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật có chiều dài 10 cm và chiều rộng 6 cm . Diện tích của hình vuông đó bằng

- A. 8 cm^2 . B. 16 cm^2 . C. 60 cm^2 . D. 64 cm^2 .

II. BÀI TẬP TỰ LUẬN

Bài 1. Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể)

- | | |
|--|--|
| a) $226 + 665 + 174 - 65 + 48$. | b) $13 + 7 \cdot 125 - 75 : 25$. |
| c) $25 \cdot 125 \cdot 19 \cdot 32$. | d) $27 \cdot 75 + 24 \cdot 27 + 27$. |
| e) $41 \cdot 27 + 114 \cdot 59 - 41 \cdot 13$. | f) $35 \cdot 77 + 47 \cdot 29 - 16 \cdot 35 - 12 \cdot 29$. |
| g) $9^2 + 81 \cdot 57 - 58 \cdot 80$. | h) $7^3 + 7^2 \cdot 45 - 2^5 \cdot 7^2$. |
| i) $480 : [75 + (7^2 - 8 \cdot 3) : 5] + 2026^0$. | j) $2^3 \cdot [3^9 : 3^6 - (5^2 - 3) : 11] - 1^{2026}$. |

Bài 2. Tìm số tự nhiên x , biết

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------------------|
| a) $(175 - x) - 86 = 0$. | b) $(7x - 15) : 3 = 9$. |
| c) $70 - 5(x - 3) = 45$. | d) $3(x - 1) - 2025^0 = 3^3 + 2^3$. |
| e) $[43 - (56 - x)] \cdot 12 = 384$. | f) $(2x - 1)(x - 3) = 0$. |
| g) $x^5 - 3x^4 = 0$ | h) $6 + 3(x + 1)^2 = 81$. |
| i) $187 - 2 \cdot 3^x = 5^2$. | j) $5^x + 5^{x+1} = 750$. |

Bài 3. Tìm số tự nhiên x , biết

- | | |
|--|--|
| a) $x \in U(15)$ và x là số nguyên tố. | b) $x \in B(15)$ và $11 < x \leq 60$. |
| c) $(x - 2) \in U(24)$ và $x > 9$. | d) $(10 + 25 + x + 45) : 5$. |
| e) $x + 1 \in U(30)$ và $x > 12$. | f) 47 chia cho x dư 2 và $x \geq 15$. |

Bài 4. Tìm các chữ số x và y sao cho

- | | |
|---|---|
| a) $\overline{24x1y}$ chia hết cho 2 ; 3 và 5 . | b) $\overline{x12456y}$ chia hết cho 2 ; 5 và 9 . |
| c) $\overline{98xy}$ chia hết cho 5 và 9 . | d) $\overline{3x2y}$ chia cho 2 ; 5 và 9 đều dư 1 . |

Bài 5. Trong 8 tháng đầu năm, một cửa hàng văn phòng phẩm bán được 1 352 chiếc bút loại A. Trong 4 tháng cuối năm, trung bình mỗi tháng cửa hàng bán được 142 chiếc bút cùng loại.

- a) Tính số chiếc bút loại A mà cửa hàng đã bán được trong cả năm.
 b) Biết cửa hàng nhập mỗi chiếc bút loại A với giá 12 500 đồng và bán ra với giá 15 000 đồng. Tính tổng số tiền lãi cửa hàng thu được từ việc bán loại bút này trong năm đó.

Bài 6. Một công ty sản xuất đồ gia dụng có hai xưởng sản xuất. Xưởng A gồm 25 công nhân, mỗi công nhân làm trong một ngày được 40 sản phẩm. Xưởng B có số công nhân nhiều hơn xưởng A là 5 người nhưng mỗi người chỉ làm được 35 sản phẩm trong một ngày.

- Hỏi mỗi ngày công ty sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?
- Người ta đóng gói toàn bộ số sản phẩm sản xuất được trong ngày vào các thùng, mỗi thùng chứa được tối đa 24 sản phẩm. Hỏi công ty cần dùng ít nhất bao nhiêu thùng để đóng gói hết số sản phẩm đó?

Bài 7. Trong đợt ủng hộ sách cho thư viện nhà trường, lớp 6A đã quyên góp được một số cuốn sách. Biết khi xếp số sách đó thành từng chồng 4 cuốn thì vừa hết, nhưng nếu xếp thành từng chồng 5 cuốn thì còn thừa ra 1 cuốn. Hỏi lớp 6A đã đóng góp được bao nhiêu cuốn sách, biết số lượng sách đó là một số tự nhiên có hai chữ số và lớn hơn 80.

Bài 8. Trong một buổi sinh hoạt ngoại khóa môn Toán 6, khi chia các học sinh tham gia thành các nhóm 5 người để chơi trò chơi thì vừa đủ, nhưng khi chia thành các nhóm 3 người để thảo luận thì lại cần thêm 2 bạn nữa mới đủ nhóm. Hỏi có tất cả bao nhiêu học sinh tham gia buổi sinh hoạt, biết số học sinh tham gia có từ 105 đến 120 người?

Bài 9. Dưới đây là bảng giá nước sinh hoạt cho mỗi hộ gia đình (*Biết số tiền nước phải trả được tính theo giá thanh toán sau thuế và phí*):

Mức tiêu thụ hàng tháng (m^3 /tháng/hộ gia đình)	Giá bán lẻ chưa thuế (đồng/ m^3)	Giá thanh toán sau thuế và phí (đồng/ m^3)
10 m^3 đầu tiên	8 500	8 925
Từ trên 10 m^3 đến 20 m^3	9 900	10 395
Từ trên 20 m^3 đến 30 m^3	16 000	16 800
Trên 30 m^3	27 000	28 350

- Tháng trước nhà bác An sử dụng hết 23 m^3 nước. Hỏi bác An phải trả bao nhiêu tiền?
- Tháng này nhà bác An đã giảm lượng nước sử dụng xuống còn 18 m^3 . Hỏi bác An đã tiết kiệm được bao nhiêu tiền nước so với tháng trước?

Bài 10. Một người lái xe ô tô trong 3 giờ với vận tốc 40 km/h , sau đó người đó dừng xe lại nghỉ ngơi rồi lái xe tiếp trong 2 giờ nữa với vận tốc 50 km/h .

- Tính quãng đường người đó đi được trong 3 giờ đầu; trong 2 giờ sau.
- Xe ô tô của người này trung bình tiêu thụ 1 lít xăng cho 10 km . Tính xem, sau 5 giờ di chuyển nói trên, xe ô tô tiêu thụ khoảng bao nhiêu lít xăng?

Bài 11. Nhà Mai có một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật với diện tích 48 m^2 và một cạnh có độ dài 6 m .

- Tính chu vi của mảnh vườn đó.
- Dọc theo các cạnh của mảnh vườn, Mai trồng các khóm hoa sao cho cả bốn góc vườn đều có hoa và cứ 25 cm trồng một khóm. Hãy tính số khóm hoa mà Mai cần trồng.

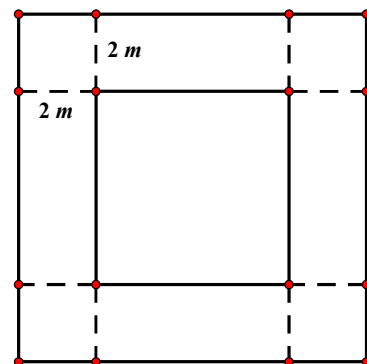
Bài 12. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng là 15 m , chiều dài 30 m .

- Tìm diện tích thửa ruộng đó.

b) Vụ mùa vừa qua người ta trồng lúa ST25, cứ $10 m^2$ thu hoạch được $7 kg$ thóc. Hỏi khối lượng thóc ST25 thu được trên thửa ruộng đó là bao nhiêu?

c) Biết mỗi ki-lô-gam thóc ST25 được bán với giá $10\,500$ đồng. Tính số tiền thu được khi bán lượng thóc ST25 thu được ở thửa ruộng trên.

Bài 13. Bác Hà có một khu vườn có dạng hình vuông. Do còn đất nên bác mở rộng vườn thêm $2 m$ về mỗi phía. Sau khi mở rộng, bác thấy diện tích khu vườn tăng thêm $56 m^2$. Tính diện tích khu vườn ban đầu của bác Hà.



Bài 14. Một cái túi xách có mặt trước có dạng hình thang cân với đáy lớn $30 cm$, đáy nhỏ $20 cm$ và chiều cao $18 cm$.

a) Tính diện tích bề mặt trước của túi xách.

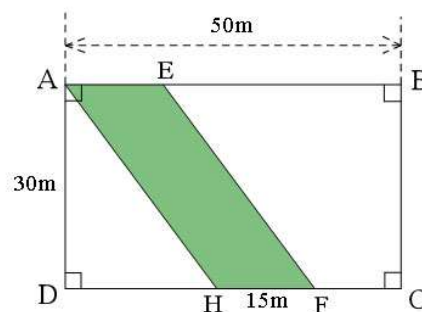
b) Người ta muốn dùng da bò để bọc mặt trước, mặt sau và mặt đáy của túi xách. Biết mặt sau có kích thước giống mặt trước, còn mặt đáy của túi xách có dạng hình chữ nhật với chiều rộng là $5 cm$ và chiều dài bằng đáy lớn của mặt trước. Tính số tiền cần để mua da bọc, biết rằng da bò dùng để làm túi có giá $20\,000$ đồng/ dm^2 (Coi diện tích phần mép nối là không đáng kể).



Bài 15. Một mảnh đất có dạng hình chữ nhật $ABCD$, với chiều dài $AB = 50 m$, chiều rộng $AD = 30 m$.

a) Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật $ABCD$ nói trên.

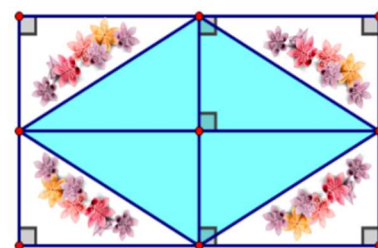
b) Theo một dự án mở đường, phần đất làm đường có dạng hình bình hành $AEFH$ như hình vẽ. Biết $HF = 15 m$, tính phần diện tích còn lại của mảnh đất.



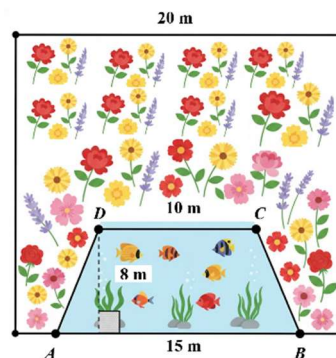
Bài 16. Mảnh vườn nhà ông Sơn có dạng hình chữ nhật với chiều dài $30 m$ và chiều rộng $20 m$ (xem hình minh họa).

a) Trong mảnh vườn đó, ông Sơn làm cái hồ có dạng hình thoi, phần đất còn lại của mảnh vườn để trồng hoa. Tính diện tích đất trồng hoa.

b) Tính số tiền ông Sơn phải trả để trồng hoa, biết cứ $10 m^2$ trồng hoa có chi phí là $200\,000$ đồng.



Bài 17. Bác Nam có một lô đất hình vuông với độ dài cạnh là 20 m . Bên trong lô đất, bác Nam xây một hồ cá có dạng hình thang cân $ABCD$ với các kích thước được cho như hình vẽ, phần đất còn lại bác dự định trồng hoa.



- Tính diện tích bác Nam dự định trồng hoa.
- Bác Nam muốn xây tường rào xung quanh lô đất hình vuông của nhưng bớt lại khu vực mặt ngoài AB của hồ cá. Tính số tiền bác Nam phải trả để xây tường rào, biết chi phí cho mỗi mét tường rào là $600\,000$ đồng.

III. MỘT SỐ BÀI TOÁN NÂNG CAO

Bài 18. So sánh

- 16^{45} và 32^{37} .
- 3^{400} và 4^{300} .
- 5^{601} và 11^{399} .
- 2^{41} và 5^{19} .

Bài 19. Cho $A = 4 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{60}$.

- Hãy giải thích vì sao A chia hết cho 5 và 21 nhưng A không chia hết cho 16.
- $3A + 4$ có là số chính phương không? Vì sao?

Bài 20.

- Tìm số nguyên tố p sao cho $p + 20$ và $p + 28$ cũng là các số nguyên tố.
- Tìm tất cả các số tự nhiên n sao cho $n + 1$; $n + 3$; $n + 7$; $n + 9$; $n + 13$; $n + 15$ đều là các số nguyên tố.

Bài 21. Cho số nguyên tố $p > 3$ thỏa mãn $2p + 1$ là số nguyên tố. Khi đó $4p + 1$ là số nguyên tố hay hợp số? Vì sao?

Bài 22. Tìm số tự nhiên n sao cho

- $n + 7$ chia hết cho $n + 1$.
- $3n$ chia hết cho $n - 1$ (với $n > 1$).
- $2n + 14$ là bội của $3n + 1$.
- $n + 2$ là ước của $n^2 + 1$.

Bài 23. Tìm tất cả các số tự nhiên x và y thỏa mãn

- $(x + 3)(2y - 1) = 6$.
- $x(2y + 1) + (4y + 2) = 12$.
- $x(y + 2) + 3y = 18$.
- $2xy + 6x - y - 15 = 0$.

Bài 24. Có 6 hộp bút máy với số lượng bút bên trong lần lượt là: 31 chiếc, 20 chiếc, 19 chiếc, 18 chiếc, 16 chiếc, 15 chiếc. Ba bạn Lan, Tùng và Mai đem chia các hộp bút này cho nhau sao cho mỗi bạn đều nhận được nguyên hộp (không chia lẻ từng chiếc bút). Biết rằng tổng số hộp mà Lan và Tùng nhận được là 5 hộp, và tổng số bút máy của Lan gấp đôi tổng số bút máy của Tùng. Hỏi mỗi bạn nhận được tất cả bao nhiêu chiếc bút máy?

Bài 25. Từ một tờ giấy ban đầu, bạn An đem cắt thành 6 mảnh hoặc 11 mảnh. Sau đó, An lại lấy một mảnh giấy bất kỳ thu được để tiếp tục cắt thành 6 mảnh hoặc 11 mảnh nhỏ hơn. Cứ làm như vậy, hỏi An có thể thu được đúng 2072 mảnh giấy không?

C. ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ MINH HỌA KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

Môn: Toán – Lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút

(Lưu ý: Học sinh không được sử dụng máy tính cầm tay)

I. Phần trắc nghiệm (2,0 điểm)

Học sinh chọn đáp án đúng rồi ghi vào giấy kiểm tra. Ví dụ: 1A, 2B...

Câu 1. Kết quả của phép tính $2^3 \cdot 2^5$ được viết dưới dạng một lũy thừa là

- A. 4^8 . B. 2^{15} . C. 2^8 . D. 4^{15} .

Câu 2. Phân tích số 168 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả nào dưới đây?

- A. $2^3 \cdot 21$. B. $2^2 \cdot 6 \cdot 7$. C. $2^3 \cdot 3 \cdot 7$. D. $8 \cdot 3 \cdot 7$.

Câu 3. Trong các số sau, số nào **không phải** là bội của 14?

- A. 0. B. 28. C. 14. D. 7.

Câu 4. Chữ số thích hợp ở dấu * để số $\overline{101*5}$ chia hết cho 9 là

- A. 3. B. 0. C. 4. D. 2.

Câu 5. Trong các đồ vật dưới đây, **không có** đồ vật có dạng hình nào?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình lục giác đều.

B. Hình chữ nhật.

C. Hình thoi.

D. Hình thang cân.

Câu 6. Cho các khẳng định sau:

i) Hình chữ nhật có hai đường chéo bằng nhau.

ii) Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau và vuông góc với nhau.

iii) Hình bình hành có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

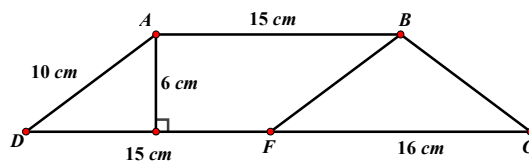
iv) Hình thang cân có hai đường chéo bằng nhau.

Số khẳng định **đúng** trong các khẳng định trên là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Sử dụng hình vẽ sau cho Câu 7 và Câu 8:

Cho hình thang cân $ABCD$ và hình bình hành $ABFD$ có các kích thước như hình vẽ:



Câu 7. Diện tích của hình bình hành $ABFD$ là

- A. 60 cm^2 . B. 90 cm^2 .
C. 45 cm^2 . D. 72 cm^2 .

Câu 8. Chu vi của hình thang cân $ABCD$ là

- A. 66 cm . B. 76 cm .
C. 86 cm . D. 96 cm .

II. Phần tự luận (8,0 điểm). Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra

Bài I (2,0 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể)

- a) $165 + 56 + 35 + 24$. b) $37 \cdot 58 - 235 + 37 \cdot 42$.
c) $2625 : 15 - (7^5 : 7^3 + 2026^0) \cdot 3$.

Bài II (2,5 điểm)

1. Tìm các số tự nhiên x , biết

- a) $15 + x = 42$. b) $65 - (73 - 2x) = 36$.
c) $4^x + 4^{x+1} = 320$. d) $x \in U(20)$ và x là số nguyên tố.

2. Tìm các chữ số a và b sao cho số $\overline{82a4b}$ chia hết cho cả 2; 3 và 5.

Bài III (1,5 điểm)

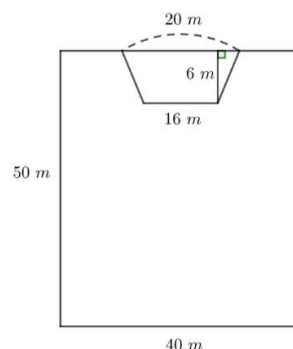
Một buổi sáng cuối tuần, mẹ đưa cho Lan 500 000 đồng và nhờ Lan đi siêu thị mua hoa quả và sữa. Lan đã mua 3 kg cam, 2 kg táo và 2 hộp sữa tươi. Biết rằng 1 kg cam có giá 60 000 đồng, 1 kg táo có giá 50 000 đồng.

- a) Tính số tiền bạn Lan phải trả để mua số cam và số táo nói trên.
b) Biết rằng sau khi thanh toán các mặt hàng đã mua, Lan còn lại 150 000 đồng. Hãy tính giá tiền 1 hộp sữa tươi bạn Lan đã mua.

Bài IV (1,5 điểm)

Một mảnh đất có dạng hình chữ nhật có chiều dài 50 m, chiều rộng 40 m. Người ta làm một sân khấu có dạng hình thang cân có kích thước như hình vẽ bên.

- a) Tính diện tích mảnh đất và diện tích sân khấu.
b) Để trang trí sân khấu, người ta phải trả mỗi mét vuông sân khấu là 400 000 đồng. Hỏi người ta phải chi hết bao nhiêu tiền để trang trí sân khấu?



Bài V (0,5 điểm). Với n là số tự nhiên, hãy tìm chữ số tận cùng của biểu thức

$$A = 5^{n+1} + 5^n + 4^{n+1} + 4^n.$$



I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

1. Kĩ năng đọc hiểu

- Chủ đề: *Gỗ của trái tim.*
- Thể thơ: *Thơ bốn chữ hoặc thơ năm chữ.*
- Tiếng Việt: *Biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa*

2. Kĩ năng viết

- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả.

II. CÁC DẠNG BÀI ÔN TẬP

1. Đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tự sự, miêu tả

- *Đọc hiểu*

- + Nhận biết một số đặc điểm của thơ: thể thơ, số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, nhịp thơ.
- + Nhận biết hình ảnh thơ và nội dung chính của bài thơ.
- + Nhận biết câu chuyện hoặc bức tranh được gợi ra qua các chi tiết tự sự, miêu tả trong bài thơ.
- + Nêu được tình cảm, cảm xúc mà bài thơ thể hiện hoặc gợi ra.

- *Tiếng Việt*

- + Nhận biết một số biện pháp tu từ quen thuộc như so sánh, nhân hóa trong bài thơ.
- + Bước đầu nêu tác dụng của biện pháp tu từ ở mức độ đơn giản, dựa vào hình ảnh và nội dung cụ thể của câu thơ.

2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ

* **Hình thức:** Viết một đoạn văn có bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc, dùng từ phù hợp, đúng chính tả và ngữ pháp.

* **Yêu cầu:**

- Giới thiệu bài thơ hoặc nêu cảm xúc chung về bài thơ.
- Nêu cảm xúc về nội dung, hình ảnh thơ hoặc câu chuyện được kể trong bài thơ.
- Chỉ ra một vài chi tiết, từ ngữ hoặc hình ảnh khiến bản thân ấn tượng.
- Khẳng định cảm xúc, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc bài thơ.

III. HƯỚNG RA ĐỀ

1. Thời gian làm bài: 90 phút

2. Cấu trúc đề: 100% tự luận



PART I – THEORY

1. Phonetics:

- /b/ and /p/ sounds
- Final sounds: /s/ and /z/

2. Vocabulary:

- School things and school activities
- Types of houses, rooms and furniture
- Body parts and appearance
- Personality adjectives

3. Grammar:

- Present simple and adverbs of frequency
- Possessive case
- Prepositions of place
- Present continuous

4. Communication:

- Introducing someone
- Talking about the type of school
- Giving suggestions
- Asking about appearance and personality

PART II – PRACTICE TEST

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1.

- A. sofas B. shoulders C. cheeks D. lessons

Question 2.

- A. month B. homework C. old D. window

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that doesn't belong to the group.

Question 3.

- A. active B. helpful C. caring D. curly

Question 4.

- A. apartment B. kitchen C. bedroom D. bathroom

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 5. My brother, Liam, can learn things quickly and easily. I think he's very

- A. caring B. intelligent C. friendly D. lazy

Question 6. There are some paintings _____ the wall in the living room of my house.

- A. on B. in C. under D. at

Question 7. Minh Anh _____ a good student. She _____ her homework after school.

- A. is/does always B. are/always does
C. isn't/ always does D. is/always does

Question 8. I think my best friend is really pretty. She _____ a straight nose, an oval face and long blond hair.

- A. is B. gets C. has D. does

Question 9. Tom and his friends _____ football every Saturday. Look! They _____ to the football field together!

- A. play/ are going B. is playing/ are going
C. play/ go D. playing/ going

Question 10. Linda is using the _____ to wash dirty dishes at the moment.

- A. wardrobe B. cooker C. dishwasher D. fridge

Question 11. He _____ like swimming, but he enjoys running.

- A. don't B. doesn't C. isn't D. aren't

Question 12. We are visiting our _____ this Sunday to celebrate their birthdays together.

- A. grandparents' house B. grandparents's house
C. house of grandparents D. grandparents house's

Question 13. *Nam is introducing his new friend, Kien, to John.*

Nam: Hello, this is my new friend, Kien. – John: _____

- A. That's a great idea. B. Hello. Nice to meet you, Kien!
C. What's your favorite subject? D. Hello. You're welcome.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.



Question 14. *What does the sign say?*

- A. You should not water the grass.
B. Do not step on the grass.
C. Please step on the grass.
D. There is no grass in this area.

Question 15. *What does the sign mean?*

- A. All children can go in this area.
B. Everyone is welcome here.
C. Only children can enter this place.
D. Only children with their parents can go into this area.



Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

School Announcement: Library Opening Hours

Dear students,

Our school library is open again after the renovation. Please remember these rules:

- ◆ Please leave your shoes (16) _____ the door before entering.
- ◆ You can borrow books from Ms. Lan, the librarian. She's very (17) _____: She enjoys helping every student!
- ◆ When you read, please sit quietly and don't use your (18) _____ in the reading room.
- ◆ Don't forget to write your name in the librarian's book before taking any books home.

Question 16.

- A. next B. in front of C. on D. between

Question 17.

- A. tall B. noisy C. kind D. careful

Question 18.

- A. calculator B. uniform C. phone D. pencil

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer that best fits each of the numbered blanks.

My best friend is Joe. At school, he is in the same class as me. Joe lives in a lovely (19) _____ house with his parents. Joe's tall and quite fat. He has big brown (20) _____ and short hair. Joe and I spend a lot of time together. We both like sports. We are in the school karate club, and we (21) _____ karate after school. What I like most about Joe is his sense of humor: He can make me laugh whenever I feel sad! We have been friends for four years, and I hope our friendship will last forever.

Question 19.

- A. flat B. villa C. town D. building

Question 20.

- A. arm B. cheeks C. eyes D. foot

Question 21.

- A. do often B. study often C. often do D. often study

Choose the correct answer to each of the following questions

Question 22. Read the sentences and choose the correct order (a–c) that best completes the paragraph. Every weekend, my family does something fun together. _____ a. After that, we usually visit our grandparents. b. We often cook breakfast and eat together. c. Sometimes, we go shopping or watch a movie.

- A. b – c – a B. c – a – b C. a – b – c D. c – b – a

Question 23. Choose the sentence that can end the text (in Question 23) most appropriately.

- A. Those weekends make me feel really happy.
B. We don't talk much during breakfast.

- C. My father works late on Fridays.
- D. I don't like spending time at home.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer.

Hello, my name's Darren and I'm from London, England. My mum's Lyn and my dad's Peter. Paper Moon is our house.

There are all types of houses in London, but my house isn't just a **normal** home - my house is a canal boat!

Canal boats are long, thin boats. Our boat is red and green, and its name is "Paper Moon". It isn't very big, but it is very cosy.

Inside, there are four rooms. There is a big bedroom. It is for my parents. There is also a living room, with a small sofa and a table. My bedroom is next to the living room, and my bed is next to the shelf in the room. There is a bathroom with a shower and a toilet. There is also a small kitchen with a cooker.

My house is small, but it is quiet and beautiful.

It's a great place to live!

Question 24. Where is Darren from?

- A. Canada
- B. Australia
- C. England
- D. America

Question 25. What does Darren's boat look like?

- A. It's long, thin, red, and green.
- B. It's short, wide, and yellow.
- C. It's big, white, and green.
- D. It's tall, blue, and cosy.

Question 26. Where is Darren's bedroom?

- A. Behind the living room
- B. Next to the living room
- C. Next to the shelf in the living room
- D. Between the living room and the bathroom

Question 27. The word "normal" in line 3 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. happy
- B. ugly
- C. strange
- D. bright

Question 28. How does Darren feel about his house?

- A. He doesn't like it.
- B. He thinks it's noisy.
- C. He loves it.
- D. He wants to move.

Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct arrangements of the words that make the correct sentences.

Question 29. morning/ sister/ sometimes/ homework/ in/ my/ the/ does / her/ .

- A. My sister sometimes does her homework in the morning.
- B. My sister does sometimes the homework in her morning.
- C. Sometimes my sister does the homework in her morning.
- D. My sister does her homework sometimes in the morning.

Question 30. what/ in/ do/ Annie's grandma/ evening/ the/ does/?

- A. What does Annie's grandma do in the evening?
- B. What does grandma Annie's do in the evening?

- C. Does what Annie's grandma do in evening the?
- D. Annie's grandma does what do in the evening?

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence which is closest in meaning to the given one.

Question 31. Let's go to the park this Sunday.

- A. How about go to the park this Sunday?
- B. How about going to the park this Sunday?
- C. What about to going to the park this Sunday?
- D. What about we go to the park this Sunday?

Question 32. Our school has two big libraries and a computer room.

- A. There are two big libraries and a computer room in our school.
- B. There is two big libraries and a computer room in our school.
- C. There have two big libraries and a computer room in our school.
- D. There has two big libraries and a computer room in our school.

Question 33. Huong is sitting to the left of Nam in the classroom at the moment.

- A. Nam is sitting to the right of Huong in the classroom now.
- B. Nam is sitting in front of Huong in the classroom at the moment.
- C. Huong is sitting behind Nam in the classroom now.
- D. Huong is sitting to the left of Nam in the classroom every lesson.

LISTENING

Listen to Lam talking about his friends in the study group. Decide whether the following statements are True or False.

Question 34. There are three students in Lam's study group.

- A. True
- B. False

Question 35. Phong is good at Maths and helps his friends.

- A. True
- B. False

Question 36. Mai has short black hair and is very careful.

- A. True
- B. False

Question 37. They go to the school library every Thursday afternoon.

- A. True
- B. False

Listen again. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to fill in the blank in each of the following questions.

Question 38. Lam and his friends study in Class _____.

- A. 6A
- B. 6B
- C. 6D
- D. 6E

Question 39. Phong is _____.

- A. friendly and helpful
- B. caring and helpful
- C. friendly and funny
- D. friendly and caring

Question 40. The students _____ in the library.

- A. play games together
- B. read comic books
- C. help each other study
- D. talk to new friends

----- **THE END** -----



A. HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Thời gian: 60 phút

2. Hình thức: 70% trắc nghiệm + 30% tự luận

- Phần I (3 điểm): 12 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn, cho 4 phương án, chọn 01 đáp án đúng.
- Phần II (2 điểm): 02 câu trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu hỏi có 4 ý. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. Với mỗi câu đúng 01 ý: được 0,1 điểm; đúng 02 ý được 0,25 điểm; đúng 03 ý được 0,5 điểm; đúng 04 ý được 1,0 điểm.
- Phần III (2 điểm): 02 câu trắc nghiệm dạng trả lời ngắn, mỗi câu có 2 ý.
- Phần IV (3 điểm): 03 câu tự luận.

3. Phạm vi kiến thức trọng tâm (Nội dung giới hạn trong 4 bài: Bài 7, 8, 9, 10 SGK & SBT KHTN 6).

Bài 7: Đo thời gian - Khái niệm & Đơn vị - Dụng cụ đo - Quy trình thao tác đo	Bài 9: Sự đa dạng của chất - Vật thể và Chất - Tính chất vật lý & Tính chất hóa học
Bài 8: Đo nhiệt độ - Khái niệm & Đơn vị - Nguyên tắc & Phân loại nhiệt kế - Thao tác & An toàn	Bài 10: Các thể của chất và sự chuyển thể - Đặc điểm 3 thể của chất - Các quá trình chuyển thể - Giải thích hiện tượng thực tế (SBT)

B. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ BÀI TẬP THAM KHẢO

1. Ôn tập lý thuyết: Khái niệm, quy tắc đo, tính chất của chất và các quá trình chuyển thể trong Bài 7, 8, 9, 10 SGK Khoa học tự nhiên 6.

2. Luyện tập Sách bài tập (SBT): Xem lại các bài tập đã hoàn thành từ Bài 7 đến Bài 10 trong SBT KHTN 6. Chú ý các bài tập vận dụng cao như Bài 7.5, 8.4, 9.4, 9.5, 10.9, 10.12, 10.13 trong SBT.

3. Luyện tập Đề minh họa: Làm Đề minh họa bên dưới trong đúng 60 phút.

ĐỀ MINH HỌA KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (NĂM HỌC 2026 - 2027)

Thời gian làm bài: 60 phút

PHẦN A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời từ Câu 1 đến Câu 12. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một đáp án đúng (0,25 điểm/câu).

Câu 1. Đơn vị đo thời gian chính thức trong Hệ thống đo lường hợp pháp của nước ta là

- A. giờ (h). B. giây (s). C. phút (min). D. ngày (day).

Câu 2. Để đo thành tích chạy cự ly 100 m của các vận động viên trong đại hội thể thao, người ta thường sử dụng loại đồng hồ nào sau đây?

- A. Đồng hồ đeo tay. B. Đồng hồ quả lắc. C. Đồng hồ bấm giây. D. Đồng hồ cát.

Câu 3. Trong thang nhiệt độ Celsius, nhiệt độ của nước đá đang tan được quy ước là bao nhiêu?

- A. 100°C. B. 0°C. C. 37°C. D. 10°C.

Câu 4. Nhiệt kế y tế thủy ngân thường có thang chia từ 34°C đến 42°C. Lý do chủ yếu là vì

- A. thủy ngân chỉ hoạt động trong khoảng nhiệt độ này.
B. nhiệt kế được thiết kế để đo nhiệt độ cơ thể người trong khoảng cần theo dõi từ 34 °C đến 42 °C.
C. nhiệt kế bị vỡ nếu đo ngoài khoảng nhiệt độ này.
D. để tiết kiệm dung tích thủy ngân khi chế tạo.

Câu 5. Dãy nào sau đây gồm các vật thể tự nhiên?

- A. Cái bàn gỗ, cây xoài, con mèo, cái bảng.
B. Ngọn núi, dòng sông, con hổ, hòn đá.
C. Xe máy, ngôi nhà, chiếc cầu, nước biển.
D. Quần áo, quả bóng, cây mía, hòn đá.

Câu 6. Hiện tượng nào sau đây thể hiện tính chất hóa học của chất?

- A. Đinh sắt màu trắng xám bị nam châm hút mạnh.
B. Đun nóng đường trắng đến khi đường chuyển thành màu đen khét.
C. Nước đá tan chảy thành nước lỏng khi để ở nhiệt độ phòng.
D. Đập vỡ một lọ thủy tinh thành các mảnh nhỏ.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây mô tả đúng nhất về đặc điểm của chất ở thể khí?

- A. Có hình dạng cố định và rất khó bị nén.
B. Có hình dạng của phần vật chứa và khó bị nén.
C. Không có hình dạng và thể tích xác định, rất dễ bị nén và lan tỏa tự do.
D. Có thể tích xác định nhưng không có hình dạng xác định.

Câu 8. Một mẫu vật có nhiệt độ 310 K. Nhiệt độ của mẫu vật theo thang Celsius là

- A. 27°C. B. 37°C. C. 47°C. D. 583°C.

Câu 9. Thực hiện đổi đơn vị thời gian: Khoảng thời gian 1 giờ 20 phút bằng bao nhiêu giây?

Câu 2 (1,0 điểm).

a) Trong các chất sau: oxygen, nước cất, dầu ăn, ethanol, sắt, hơi nước; có bao nhiêu chất tồn tại ở thể lỏng ở nhiệt độ phòng (25°C)?

b) Cho các hiện tượng chuyển thể sau: (1) Sương mù xuất hiện vào sáng sớm; (2) Kem tan chảy khi để ngoài nắng; (3) Giọt nước đọng trên mặt ngoài ly nước đá; (4) Nước đóng thành đá trong tủ lạnh; (5) Phơi quần áo ướt khô dưới nắng. Có bao nhiêu hiện tượng xảy ra do sự ngưng tụ của hơi nước?

PHẦN B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm). Để đo thời gian chạy 100m của học sinh trong giờ Thể dục (khoảng 15 - 20 giây), bạn An có hai chiếc đồng hồ: một chiếc đồng hồ bấm giây có GHĐ 30 phút và ĐCNN 0,1 giây; một chiếc đồng hồ treo tường có ĐCNN là 1 phút.

a) Bạn An nên lựa chọn chiếc đồng hồ nào để đo thời gian chạy? Giải thích vì sao.

b) Nêu 03 thao tác cơ bản bạn An cần thực hiện khi sử dụng chiếc đồng hồ đã chọn để đo thời gian chính xác nhất.

Câu 2 (1,0 điểm). Trong phòng thí nghiệm, một học sinh thực hiện các quan sát đối với đinh sắt:

- **Thí nghiệm 1:** Quan sát thấy đinh sắt mới có màu trắng xám, cứng, bị nam châm hút mạnh.

- **Thí nghiệm 2:** Để đinh sắt ngoài không khí ẩm một thời gian, thấy trên bề mặt đinh sắt xuất hiện lớp gỉ màu nâu xốp, giòn và không bị nam châm hút.

a) Cho biết hiện tượng ở Thí nghiệm 1 và Thí nghiệm 2 thể hiện tính chất vật lý hay tính chất hóa học của sắt? Vì sao?

b) Nêu 02 biện pháp thực tế đơn giản giúp ngăn chặn sự gỉ sét của các vật dụng bằng sắt trong gia đình.

Câu 3 (1,0 điểm). Khi đun nấu thức ăn trong xoong đáy vùng kín (như đun nước muối hoặc nấu canh), khi mở nắp vùng ra ta thấy bên trong nắp vùng có nhiều giọt nước đọng lại chảy xuống.

a) Các giọt nước đọng trên nắp vùng được hình thành từ quá trình chuyển thể nào? Dự đoán các giọt nước đọng trên nắp vùng xoong đun nước muối có vị mặn không? Giải thích?

b) Giải thích vì sao vào những ngày thời tiết nồm ẩm ở miền Bắc, trên bề mặt nền gạch hoa hoặc mặt kính lại xuất hiện các giọt nước đọng trơn trượt?

Chúc con ôn tập tốt, làm bài kiểm tra đạt kết quả cao!



I. PHẠM VI

Phân môn LỊCH SỬ

Bài 2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử

- Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...).

Bài 3. Thời gian trong lịch sử

- Biết được cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...

Bài 4. Nguồn gốc loài người

- Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.
- Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á.
- Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam.

Phân môn ĐỊA LÍ

Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ

- Biết được các khái niệm và xác định được trên bản đồ: kinh tuyến, vĩ tuyến, các đường kinh, vĩ tuyến đặc biệt.
- Ghi được tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ.

Bài 2: Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ.

- Nêu được khái niệm bản đồ.
- Xác định được phương hướng trên bản đồ.

Bài 3: Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ.

- Ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ.
- Biết được các dạng tỉ lệ bản đồ.
- Biết tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ.

Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả.

- Trình bày được đặc điểm chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất
- Trình bày được các hệ quả của vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.

II. THỜI GIAN, CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

1. Thời gian: 60 phút (gồm Lịch sử - Địa lí)

2. Cấu trúc:

Đề kiểm tra 70% trắc nghiệm và 30% tự luận, trong đó có 12 câu dạng trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn và 4 câu trắc nghiệm dạng đúng sai. Cụ thể:

Phân môn lịch sử	Phân môn địa lí
- Trắc nghiệm dạng thức lựa chọn phương án đúng: 6 câu (1,5 điểm) - Trắc nghiệm dạng thức Đúng – Sai: 2 câu, mỗi câu 4 ý (2,0 điểm) - Tự luận: 1 câu (1,5 điểm)	- Trắc nghiệm dạng thức lựa chọn phương án đúng: 6 câu (1,5 điểm) - Trắc nghiệm dạng thức Đúng – Sai: 2 câu, mỗi câu 4 ý (2,0 điểm) - Tự luận: 1 câu (1,5 điểm)
=> Tổng điểm bài kiểm tra: 10 điểm.	

HS không sử dụng Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 6, Atlas Địa lí Việt Nam.



A. HÌNH THỨC, NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Thời gian: 45 phút

2. Hình thức: Trắc nghiệm 100%

- Phần I (60%): Trắc nghiệm 4 lựa chọn: 24 câu, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.
- Phần II (40%): Trắc nghiệm Đúng/Sai: 4 câu, mỗi câu 4 ý (*đúng 1 ý được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25đ, đúng 3 ý được 0,5đ, đúng 4 ý được 1 điểm*)

3. Nội dung kiến thức ôn tập và kiểm tra

Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ

- Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.
- Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.
- Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể, phù hợp.

Bài 2: Yêu thương con người

- Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.
- Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.
- Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.
- Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác.
- Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.

B. CÁC DẠNG BÀI ÔN TẬP

Câu hỏi mẫu:

Câu 1: Chọn đáp án đúng nhất cho câu hỏi sau

Cá nhân có hành vi quan tâm, giúp đỡ người khác đặc biệt là trong những lúc khó khăn hoạn nạn là biểu hiện của đức tính nào?

- A. yêu thương con người.
- B. tự nhận thức bản thân.
- C. siêng năng, kiên trì.
- D. tự chủ, tự lập

Câu 2: Lựa chọn đáp án Đúng hoặc Sai cho mỗi phương án

Đọc tình huống sau và chọn các cách ứng xử thể hiện tình yêu thương con người:

Gần đây, Hòa thường đi học muộn, trong giờ học hay ngồi lặng lẽ, ít tham gia vào các hoạt động chung của lớp. Có lần, Hòa còn to tiếng với bạn cùng bàn khiến nhiều người khó chịu. Một số bạn trong lớp cho rằng Hòa “chảnh”, “khó gần” và tẩy chay bạn. Thực ra, Hòa đang gặp áp lực lớn vì cha mẹ đang ly hôn và bạn bị ảnh hưởng tâm lý nặng nề. Biết chuyện đó, Lan cảm thấy thương Hòa nhưng không biết nên làm gì.

- A. Nhẹ nhàng hỏi thăm, lắng nghe và chia sẻ với Hòa, khuyến khích bạn tâm sự với giáo viên chủ nhiệm.
- B. Phớt lờ vì cho rằng chuyện gia đình Hòa không liên quan đến mình.
- C. Trao đổi với nhóm bạn thân để mọi người hiểu và ngừng nói xấu, giúp Hòa hòa nhập lại với lớp.
- D. Đồng tình với ý kiến của các bạn rằng Hòa “khó chịu” nên đáng bị xa lánh.

Chúc các con ôn tập tốt!



A. HÌNH THỨC, NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Thời gian: 45 phút (Lịch kiểm tra tuần 08 hoặc 09)

2. Hình thức:

- Phần I: Trắc nghiệm 4 lựa chọn: 16 câu, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.
- Phần II: Trắc nghiệm Đúng/Sai: 3 câu mỗi câu 4 ý (đúng 1 ý được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25đ, đúng 3 ý được 0,5đ, đúng 4 ý được 1 điểm)
- Phần III. Tự luận

3. Kiến thức cần nhớ

Bài 1: Khái quát về nhà ở

- Nêu được vai trò của nhà ở.
- Nêu được đặc điểm chung của nhà ở; nhận biết được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

Bài 2: Xây dựng nhà ở

- Kể tên được một số vật liệu được sử dụng trong xây dựng nhà ở.
- Mô tả được một số bước chính trong xây dựng nhà ở.

Bài 3: Ngôi nhà thông minh

- Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.
- Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

Xem lại phần kiến thức và các câu hỏi phần Luyện tập bài 1, 2, 3 SGK Công nghệ 6.

C. ĐỀ MINH HOẠ

PHẦN I. (4 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1. Nhà ở là

- A. công trình xây dựng với mục đích để giao thương.
- B. giúp bảo vệ con người dưới tác động của thiên nhiên, xã hội.
- C. nơi phục vụ các nhu cầu sinh hoạt cá nhân hoặc hộ gia đình.
- D. công trình xây dựng với mục đích để ở.

Câu 2. Loại nhà cố định, xây dựng trên mặt đất, một tầng được phân chia khu vực bằng tường hoặc cột là

- A. nhà nông thôn truyền thống.
- B. nhà sàn.
- C. chung cư.
- D. nhà mặt phố.

Câu 3. Loại nhà cố định hoặc di động, thiết kế hệ thống phao dưới sàn giúp nhà có thể nổi trên mặt nước.

- A. nhà nông thôn truyền thống.
- B. nhà sàn.
- C. nhà nổi.
- D. nhà mặt phố.

Câu 4. Các bước chính xây dựng nhà ở là

- A. thiết kế; thi công thô; hoàn thiện.
- B. chuẩn bị xây dựng; thiết kế thi công; hoàn thiện.
- C. thi công; thiết kế, giám sát; hoàn thiện.
- D. giám sát; thiết kế; hoàn thiện; thi công thô.

Câu 5. Sơn tường thuộc giai đoạn nào trong xây dựng nhà ở?

- A. Chuẩn bị xây dựng.
- B. Thiết kế.
- C. Thi công thô.
- D. Hoàn thiện.

Câu 6. Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được trang bị.....cho hệ thống thiết kế trong nhà.

- A. đồ gia dụng thông minh: robot lau nhà, máy rửa bát,...
- B. nội thất thông minh: vách thông minh, giường gấp thông minh,...
- C. tự động hoặc bán tự động.
- D. hệ thống giải trí đỉnh cao.

Câu 7. Ngôi nhà thông minh có đặc điểm

- A. tiện ích và không tiết kiệm năng lượng.
- B. chỉ tiết kiệm năng lượng.
- C. tiện ích, an ninh, an toàn và tiết kiệm năng lượng.
- D. chỉ đảm bảo an ninh, an toàn.

Câu 8. Camera giám sát thuộc hệ thống nào trong ngôi nhà thông minh?

- A. Nhóm hệ thống giải trí.
- B. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn.
- C. Nhóm hệ thống tiết kiệm năng lượng.
- D. Nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ.

Câu 9. Trong các vật liệu sau, vật liệu nào có sẵn trong thiên nhiên?

- A. Gạch nung.
- B. Cát.
- C. Kính.
- D. Thạch cao.

Câu 10. Công việc nào sau đây không thuộc bước hoàn thiện của ngôi nhà?

- A. Trát tường.
- B. Lắp đặt quạt trần.
- C. Lắp đặt bình nóng lạnh.
- D. Dự trù kinh phí.

Câu 11. Hoạt động nào sau đây thuộc nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng trong ngôi nhà thông minh?

- A. Điều khiển tủ lạnh.
- B. Điều khiển thiết bị ánh sáng trong nhà.
- C. Điều khiển camera.
- D. Thiết bị báo cháy.

Câu 12. Yêu cầu đối với khu vực phòng khách trong nhà ở là

- A. cần bố trí kín đáo, ít ánh sáng và ít thông thoáng.
- B. chỉ cần bố trí nhiều đồ dùng để tăng tính tiện nghi.
- C. cần bố trí đồ dùng hợp lý, thuận tiện, thông thoáng, đủ ánh sáng và sạch đẹp..
- D. chỉ cần chú trọng trang trí mà không cần quan tâm đến sự thuận tiện.

Câu 13. Chức năng điều khiển tủ lạnh thuộc nhóm hệ thống nào của ngôi nhà thông minh?

- A. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn.
- B. Nhóm hệ thống giải trí.
- C. Nhóm hệ thống điều khiển thiết bị gia dụng.
- D. Nhóm hệ thống chiếu sáng.

Câu 14. Hệ thống, thiết bị thông minh trong ngôi nhà có thể hoạt động dựa trên

- A. thói quen của con người.
- B. sở thích của con người.
- C. yêu quý của con người.
- D. quý mến của con người.

Câu 15. Các thiết bị lắp đặt giúp cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn như:

- A. có người lạ đột nhập, quên đóng cửa.
- B. quên đóng cửa, có nguy cơ cháy nổ xảy ra.
- C. quên đóng cửa, có nguy cơ cháy nổ xảy ra, có người lạ đột nhập xảy ra.
- D. có nguy cơ cháy nổ xảy ra, có người lạ đột nhập xảy ra.

Câu 16. Ưu điểm nổi bật của ngôi nhà thông minh là

- A. tiết kiệm điện năng, tăng tiện nghi và an toàn.
- B. giúp nhà ở cao hơn.
- C. giúp giảm tiếng ồn xung quanh.
- D. làm cho ngôi nhà đẹp hơn về màu sắc.

PHẦN II. (3 điểm) Câu trắc nghiệm đúng/sai.

Câu 1. Khi nói về nhà ở, các nhận định sau đây đúng hay sai.

- a) Nhà ở bảo vệ con người trước những tác động xấu của thiên nhiên và xã hội.
- b) Nhà ở thường bao gồm các phần chính là sàn nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ.
- c) Nhà ở thường được phân chia thành các khu vực chức năng như khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn.
- d) Nhà ở có chức năng chính là để con người tránh mưa, nắng và các yếu tố thời tiết khác.

Câu 2. Các nhận định về xây dựng nhà ở dưới đây đúng hay sai.

- a) Xây dựng nhà ở gồm ba giai đoạn chính: thiết kế, thi công thô và hoàn thiện.
- b) Có thể bỏ qua việc khảo sát địa điểm và điều kiện xây dựng nếu ngôi nhà có thiết kế đẹp.
- c) Khi xây dựng nhà ở cần lựa chọn vật liệu phù hợp, bảo đảm độ bền và an toàn cho công trình.
- d) Trong quá trình xây dựng nhà ở cần tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

Câu 3. Các nhận định về ngôi nhà thông minh dưới đây đúng hay sai?

- a) Nhà ở hiện đại không cần quan tâm đến vấn đề tiết kiệm năng lượng.
- b) Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được trang bị các thiết bị tự động hoặc bán tự động điều khiển bằng điện thoại, máy tính bảng hoặc giọng nói khi có kết nối mạng internet.

c) Ngôi nhà thông minh giúp tiết kiệm điện năng nhờ các thiết bị tự tắt khi không sử dụng.

d) Hệ thống cửa sổ trong nhà giúp thông gió và lấy ánh sáng tự nhiên.

PHẦN III. Tự luận (3 điểm)

Câu 1. Nêu vai trò của nhà ở. Trình bày cấu tạo chung của một ngôi nhà gồm những thành phần chính nào?

Câu 2. Liệt kê một số loại vật liệu xây dựng và ứng dụng của chúng mà em biết. (tối thiểu 6 vật liệu).

Câu 3. Ở nơi em đang sống có những kiểu kiến trúc đặc trưng nào (tối thiểu 4 kiểu kiến trúc)? Mô tả các khu vực chức năng trong ngôi nhà của em?

Câu 4. Ngôi nhà thông minh là gì? Nêu các ưu điểm của ngôi nhà thông minh.

Chúc các con ôn tập và kiểm tra đạt kết quả cao!



TIN HỌC 6

A. PHẠM VI ÔN TẬP

- Ôn tập các bài học sau: Bài 1 đến bài 4 – Sách giáo khoa Tin học 6 – KNTT

B. CÂU HỎI, BÀI TẬP THAM KHẢO

CHỦ ĐỀ 1. MÁY TÍNH VÀ CUỘC SỐNG

BÀI 1: THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (*Học sinh chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau*)

Câu 1: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Thông tin là kết quả của việc xử lý dữ liệu để nó trở nên có ý nghĩa.
- B. Mọi thông tin muốn có được, con người sẽ phải tốn rất nhiều tiền.
- C. Không có sự phân biệt giữa thông tin và dữ liệu.
- D. Dữ liệu chỉ có trong máy tính, không tồn tại bên ngoài máy tính.

Câu 2: Xem bản tin dự báo thời tiết như Hình 1, bạn Khoa kết luận: "Hôm nay, trời có mưa". Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Bản tin dự báo thời tiết là dữ liệu, kết luận của Khoa là thông tin.
- B. Bản tin dự báo thời tiết là thông tin, kết luận của Khoa là dữ liệu.
- C. Những con số trong bản tin dự báo thời tiết là thông tin.
- D. Bản tin dự báo thời tiết và kết luận của Khoa đều là dữ liệu.

Câu 3: Công cụ nào sau đây không phải là vật mang tin?

- A. Giấy.
- B. Cuộn phim.
- C. Thẻ nhớ.
- D. Xô, chậu.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây đúng về lợi ích của thông tin?

- A. Có độ tin cậy cao, đem lại hiểu biết cho con người.
- B. Đem lại hiểu biết cho con người, không phụ thuộc vào dữ liệu.
- C. Có độ tin cậy cao, không phụ thuộc vào dữ liệu.
- D. Đem lại hiểu biết và giúp con người có những lựa chọn tốt.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Thông tin đem lại cho con người sự hiểu biết.
- B. Thông tin là những gì có giá trị, dữ liệu là những thứ vô giá trị.
- C. Thông tin có thể làm thay đổi hành động của con người.
- D. Sự tiếp nhận thông tin phụ thuộc vào sự hiểu biết của mỗi người.

BÀI 2: XỬ LÝ THÔNG TIN

Câu 6: Các hoạt động xử lý thông tin gồm:

- A. Đầu vào, đầu ra.
- B. Thu nhận, xử lý, lưu trữ, truyền.
- C. Nhìn, nghe, suy đoán, kết luận.
- D. Mở bài, thân bài, kết luận.

Câu 7: Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận. B. Lưu trữ. C. Xử lí. D. Truyền.

Câu 8: Kết quả của việc nhìn thấy hoặc nghe thấy ở con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận. B. Lưu trữ. C. Xử lí. D. Truyền.

Câu 9: Các thao tác lập luận, giải thích, phân tích, phán đoán, tưởng tượng,... của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận. B. Lưu trữ. C. Xử lí. D. Truyền.

Câu 10: Các thao tác nói, chia sẻ, thông báo, tuyên truyền, biểu đạt, trò chuyện,... của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận. B. Lưu trữ. C. Xử lí. D. Truyền.

Câu 11: Bàn phím, chuột, máy quét và webcam là những ví dụ về loại thiết bị nào của máy tính?

- A. Thiết bị ra. B. Thiết bị lưu trữ. C. Thiết bị vào. D. Bộ nhớ.

Câu 12: Thiết bị nào sau đây của máy tính được ví như bộ não của con người?

- A. Màn hình. B. Chuột. C. Bàn phím. D. CPU.

Câu 13: Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị ra của máy tính?

- A. Micro. B. Máy in. C. Màn hình. D. Loa.

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây không thuộc về máy tính?

- A. Thực hiện nhanh và chính xác. B. Suy nghĩ sáng tạo.
C. Lưu trữ lớn. D. Hoạt động bền bỉ.

THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH

Câu 15: Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng

- A. thông tin. B. dãy bit. C. số thập phân. D. các kí tự.

Câu 16: Dữ liệu trong máy tính được mã hoá thành dãy bit vì

- A. dãy bit đáng tin cậy hơn. B. dãy bit được xử lí dễ dàng hơn.
C. dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn. D. máy tính chỉ làm việc với hai kí hiệu 0 và 1.

Câu 17: Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là gì?

- A. Byte. B. Digit. C. Kilobyte. D. Bit.

Câu 18: Một bit được biểu diễn bằng

- A. một chữ cái. B. một kí hiệu đặc biệt.
C. kí hiệu 0 hoặc 1. D. chữ số bất kì.

Câu 19: Bao nhiêu 'bit' tạo thành một 'byte'?

- A. 8. B. 9. C. 32. D. 36.

Câu 20: Bao nhiêu 'byte' tạo thành một 'kilobyte'?

- A. 8. B. 64. C. 1 024. D. 2 048.

Câu 21: Đơn vị đo dữ liệu nào sau đây là lớn nhất?

- A. Gigabyte. B. Megabyte. C. Kilobyte. D. Bit.

Câu 22: Một gigabyte xấp xỉ bằng

- A. một triệu byte. B. một tỉ byte. C. một nghìn tỉ byte. D. một nghìn byte.

Câu 23: Khả năng lưu trữ của một thiết bị nhớ được gọi là gì?

- A. Dung lượng nhớ. B. Khối lượng nhớ. C. Thể tích nhớ D. Năng lực nhớ.

Câu 24: Một thẻ nhớ 4 GB lưu trữ được khoảng bao nhiêu ảnh 512 KB?

- A. 2 nghìn ảnh. B. 4 nghìn ảnh. C. 8 nghìn ảnh. D. 8 triệu ảnh.

Câu 25: Tập ảnh IMG_0041.jpg có dung lượng 846 KB. Tập ảnh này có dung lượng bằng bao nhiêu kilobyte?

- A. 846 byte. B. 846 kilobit. C. 846 kilobyte. D. 0,846 megabyte.

Câu 26: Một ổ cứng di động 2 TB có dung lượng nhớ tương đương bao nhiêu?

- A. 2 048 KB. B. 1 024 MB. C. 2 048 MB. D. 2 048 GB.

BÀI 4: MẠNG MÁY TÍNH

Câu 27: Một mạng máy tính gồm

- A. tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.
B. một số máy tính bàn.
C. hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau.
D. tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một toà nhà.

Câu 28: Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ

- A. máy in. B. bàn phím và chuột. C. máy quét. D. dữ liệu.

Câu 29: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.
B. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính.
C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính.
D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính.

Câu 30: Trong các nhận định sau, nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

- A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng.
B. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ.
C. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm.
D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng.

Câu 31: Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị đầu cuối?

- A. Máy tính. B. Máy in. C. Bộ định tuyến. D. Máy quét.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng dây dẫn mạng.
B. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình.
C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, tivi, tủ lạnh,...
D. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn.

Câu 33: Phát biểu nào sau đây không chính xác?

- A. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.
- B. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây.
- C. Mạng không dây thường được sử dụng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại,...
- D. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây.

Câu 34: Mạng máy tính gồm các thành phần:

- A. Máy tính và thiết bị kết nối.
- B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.
- C. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng.
- D. Máy tính và phần mềm mạng.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (Học sinh trả lời câu hỏi, trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai)

Câu 1:

Phát biểu	Đúng ghi Đ/ Sai ghi S
a) Có thể sử dụng hai kí hiệu 0 và 1 để biểu diễn giai điệu của một bản nhạc.	
b) Byte là đơn vị nhỏ nhất được sử dụng để lưu trữ thông tin.	
c) Không thể sử dụng hai kí hiệu 0 và 1 để biểu diễn một bức ảnh màu.	
d) Dây bit là dây chỉ gồm những kí hiệu 0 và 1.	
e) Đoạn văn bản càng nhiều chữ được biểu diễn bằng dây bit càng dài.	

Câu 2:

Phát biểu	Đúng ghi Đ/ Sai ghi S
a) Đường truyền dữ liệu có hai loại: nhìn thấy và không nhìn thấy.	
b) Kết nối không dây chỉ sử dụng với thiết bị di động.	
c) Kết nối không dây giúp cho người sử dụng có thể linh hoạt thay đổi vị trí mà vẫn duy trì kết nối mạng.	
d) Đường truyền dữ liệu nhìn thấy sử dụng dây dẫn mạng.	
e) Đường truyền không dây ổn định hơn đường truyền có dây.	
f) Đường truyền không dây dễ dàng mở rộng thêm người sử dụng.	
g) Kết nối không dây có thể kết nối ở mọi địa hình.	

III. TRẮC NGHIỆM GHÉP NỐI (Học sinh nối phần nội dung cột A với cột B)

Câu 1. Trong truyện "Cuộc điều tra màu đỏ", sau nhiều ngày theo dõi và thu thập các dấu vết của vụ án, thám tử Sherlock Holmes đã trình bày lí lẽ, kết luận Jefferson Hope là thủ phạm gây ra hai cái chết. Hãy ghép mỗi mô tả ở cột bên trái với một khái niệm phù hợp ở cột bên phải.

Cột A	Cột B
1) Những dấu vết để lại tại hiện trường của vụ án	a) Dữ liệu
2) Cuốn sổ ghi chép của Holmes về các sự kiện	b) Thông tin
3) Những kết luận của Holmes	c) Vật mang tin

Câu 2: Trong truyện "Cuộc điều tra màu đỏ", sau khi thu thập các chứng cứ, thám tử Sherlock Holmes đã lập luận để chứng minh Jefferson Hope là thủ phạm của vụ án. Hãy ghép mỗi hành động ở cột bên trái của thám tử với một hoạt động xử lý thông tin phù hợp ở cột bên phải.

Cột A	Cột B
1) Phán đoán, suy luận để chứng minh tội phạm	a) Thu nhận thông tin
2) Trình bày lập luận trước toà án	b) Lưu trữ thông tin
3) Thu thập chứng cứ và các dấu vết	c) Xử lý thông tin
4) Ghi lại các sự kiện thu thập được ra giấy	d) Truyền thông tin

Câu 3: Ghép mỗi ô ở cột bên trái với một ô ở cột bên phải cho phù hợp.

Cột A	Cột B
1) Thiết bị vào	a) gồm các bộ phận của máy tính có nhiệm vụ lưu trữ thông tin.
2) Thiết bị ra	b) gồm các bộ phận của máy tính thực hiện tất cả các tính toán và xử lý dữ liệu.
3) Bộ nhớ	c) gồm các bộ phận của máy tính có nhiệm vụ thu nhận thông tin vào máy tính.
4) Bộ xử lý	d) gồm các bộ phận của máy tính có nhiệm vụ giúp người sử dụng tiếp nhận thông tin từ máy tính

Câu 4: Bình đang phân vân không biết bảng phân loại của mình về các thiết bị đã chính xác hay chưa, em hãy giúp bạn ấy kiểm tra lại nhé.

Thiết bị đầu cuối	Thiết bị kết nối
Máy tính bàn	Điện thoại thông minh
Máy tính xách tay	Bộ chia (Hub)
Bộ chuyển mạch (Switch)	Máy in
Bộ định tuyến (Router)	Máy quét
Ti vi	Bộ định tuyến không dây (Wireless Router)



C. ĐỀ THI THAM KHẢO

TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ 2

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 02 trang - Mã đề: 601)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

Môn: Tin học - Khối 6

Ngày: /10/2025

Thời gian làm bài: 45 phút

(Không kể thời gian phát đề)

Họ và tên: Lớp:

PHẦN I (3 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Thiết bị nào sau đây của máy tính được ví như bộ não của con người?

- A. Bàn phím B. CPU C. Màn hình D. Chuột

Câu 2. Trong tình huống bạn nghe loa phát thanh dự báo thời tiết ngày mai mưa, đâu là dữ liệu?

- A. Dự báo thời tiết ngày mai.
B. Việc bạn hiểu rằng cần mang theo áo mưa.
C. Âm thanh và lời nói từ loa phát thanh.
D. Chiếc loa phát thanh.

Câu 3. Bao nhiêu “byte” tạo thành một “ kilobyte”?

- A. 2048 B. 1024 C. 8 D. 6.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh.
B. Dữ liệu chỉ có thể được hiểu bởi những người có trình độ cao.
C. Dữ liệu chỉ có ở trong máy tính.
D. Dữ liệu là những giá trị số đo con người nghĩ ra.

Câu 5. Chức năng của bàn phím, chuột máy tính là:

- A. hiển thị thông tin. B. thu nhận thông tin.
C. xử lí thông tin. D. lưu trữ thông tin.

Câu 6. Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là gì?

- A. Gigabyte B. bit C. Kilobyte D. Byte

Câu 7. Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Xử lí B. Truyền C. Lưu trữ D. Thu nhận

Câu 8. Khả năng lưu trữ của một thiết bị nhớ được gọi là gì?

- A. Năng lực nhớ B. Khối lượng nhớ
C. Dung lượng nhớ. D. Thẻ tích nhớ

Câu 9. Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị đầu cuối ?

- A. Máy quét B. Máy tính C. Bộ định tuyến D. Máy in

Câu 10: Máy tính biểu diễn thông tin bằng gì?

- A. Các kí tự chữ và số. B. Dây các bit (dây kí hiệu 0 và 1).
C. Mã hóa bằng hình ảnh. D. Bằng ngôn ngữ tự nhiên.

Câu 11. Các thao tác chia sẻ, thông báo, tuyên truyền, biểu đạt, trò chuyện,... của con người được xếp vào hoạt động nào trong xử lý thông tin?

- A. Lưu trữ B. Xử lí C. Thu nhận D. Truyền tin

Câu 12. Bao nhiêu “bit” tạo thành một “Byte”

- A. 32 B. 9 C. 8 D. 36

PHẦN II (4 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Em hãy đánh giá tính đúng sai cho những nhận định dưới đây:

- a) Thông tin là những gì giúp con người hiểu biết về thế giới xung quanh.
- b) Máy tính chỉ có thể xử lý thông tin, không thể xử lý dữ liệu.
- c) Một bảng điểm chưa tính tổng kết là dữ liệu.
- d) Mọi thông tin đều được lưu trữ dưới dạng văn bản.

Câu 2. Em hãy đánh giá tính đúng sai cho những nhận định dưới đây:

- a) Âm thanh muốn lưu vào máy tính thì cần được số hóa.
- b) Máy tính lưu trữ tất cả các loại thông tin như văn bản, hình ảnh, âm thanh... dưới dạng số 0 và 1.
- c) Thông tin dạng văn bản, hình ảnh hay âm thanh được máy tính lưu trữ theo cách giống nhau.
- d) Kilobyte (KB) là đơn vị lớn hơn Megabyte (MB).

Câu 3. Đánh giá tính đúng sai trong các nhận định sau:

- a) Khi ta đo nhiệt độ ngoài trời bằng nhiệt kế, con số hiện ra chính là dữ liệu.
- b) Các giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi, da giúp con người thu nhận thông tin.
- c) Khi làm bài tập hoặc đưa ra quyết định, chỉ cần cảm tính chứ không cần dựa vào dữ liệu hay thông tin cần thiết.
- d) Chỉ những thông tin được ghi lại bằng chữ viết mới được coi là thông tin, còn lời nói hoặc hình ảnh không phải là thông tin.

Câu 4. Đánh giá tính đúng sai trong các nhận định sau:

- a) Hoạt động gõ bài trên máy tính được coi là hoạt động Thu nhận thông tin và Lưu trữ thông tin.
- b) Thông tin là những gì đã được đưa vào vật mang tin dưới dạng dữ liệu.
- c) Màn hình máy tính thuộc nhóm thiết bị truyền thông tin (Thiết bị ra).
- d) Dung lượng 1 GB nhỏ hơn dung lượng 1 MB.

PHẦN III (3 điểm). Tự luận

Bài 1 (1.5 điểm). Quan sát bảng sau:

Tên thiết bị	Ổ cứng	Thẻ nhớ	USB	Đĩa CD-Rom	Ổ cứng di động
Dung lượng	1TB	32GB	4GB	700MB	2TB

Em hãy sắp xếp thứ tự các thiết bị trên theo thứ tự dung lượng bộ nhớ (lưu trữ) tăng dần?

Bài 2 (1.5 điểm). Giả sử một bộ phim hoạt hình lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 25MB. Hỏi một USB có dung lượng 8GB có thể chứa tối đa bao nhiêu bộ phim hoạt hình như trên?

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm./.



Hướng nghiệp

- Học sinh hoàn thành bài tập dự án theo hướng dẫn của giáo viên phụ trách, nộp đúng thời hạn và tham gia đầy đủ các buổi hoạt động.
- Kết quả dự án sẽ được chấm điểm và tính làm điểm giữa kì, dựa trên mức độ hoàn thành sản phẩm, tinh thần hợp tác và phần trình bày của từng nhóm hoặc cá nhân.



I. PHẠM VI

Chủ đề 1: Lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X

Trình bày được những nét tiêu biểu của lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thời Văn Lang – Âu Lạc

Chủ đề 2: Di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X

Nêu được tên và những nét chính của một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu của Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thời Văn Lang – Âu Lạc thông qua tranh ảnh hoặc video

II. THỜI GIAN, CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

1. Thời gian: 45 phút

2. Cấu trúc: Đề kiểm tra gồm 100% trắc nghiệm.



MÔN ÂM NHẠC

Nội dung kiểm tra:

1. Bài hát: “*Con đường học trò*”
2. Bài hát: “*Đời sống không già vì có chúng em*”

Hình thức kiểm tra: Trình bày theo Nhóm – Cá nhân.

MÔN MĨ THUẬT

Nội dung kiểm tra

Câu 1: Em hãy thiết kế 1 sản phẩm quà lưu niệm từ vật liệu sẵn có, gợi ý từ hình ảnh ngôi nhà, cảnh vật quen thuộc (Bài 4: Thiết kế quà lưu niệm).

Câu 2: Viết và chia sẻ một số thông tin về sản phẩm mà em tạo được (*tên sản phẩm, chất liệu, cách tạo sản phẩm, ý nghĩa của quà lưu niệm,...*).

Hình thức kiểm tra: Thực hành

- Hình thức tạo hình: 2D hoặc 3D (có thể kết hợp vẽ với in, cắt dán, xé dán hoặc nặn).

- Chất liệu, vật liệu: Giấy vẽ, bìa, vật liệu tái chế, chất liệu tổng hợp...

- Kích thước: Tùy theo sản phẩm; nếu thực hiện trên giấy: khổ A4.



Khối 6: Ôn tập Bài TD 30 Động tác liên hoàn

Nội dung kiểm tra: thực hiện hoàn thiện bài thể dục 30 động tác liên hoàn.

Hình thức kiểm tra: Thực hành